TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 4 - 2019
"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Qúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Thuận

Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 20/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh V, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ A, thôn B, xã C, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Chị H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ X, khu phố Y, thị trấn Z, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 06/3/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện lập ngày 09/01/2019, bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh V trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh chị không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, tính tình không thể hòa hợp. Anh V nghi ngờ chị H không chung thủy, vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay, anh V xác định hôn nhân không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh V và chị H có 01 con chung là cháu D, sinh ngày 11/10/2016. Anh V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Con chung hiện nay đang ở với anh V.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai và đơn xin xét xử vắng mặt cùng lập ngày 06/3/2019, bị đơn chị H trình bày:

Về quá trình đăng ký kết hôn giống như anh V đã trình bày. Chị H cũng thừa nhận trong quá trình chung sống giữa chị và anh V thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, không còn tin tưởng và thương yêu nhau, vì vậy anh V yêu cầu ly hôn thì chị H đồng ý. Tuy nhiên, theo chị H trình bày vì chị theo đạo Thiên Chúa giáo nên không thể ký vào các biên bản làm việc của Tòa án, do đó chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Về con chung: Chị H thống nhất vợ chồng chị có 01 con chung là B, sinh ngày 11/10/2016. Chị đồng ý giao con cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Con chung hiện nay đang ở cùng anh V.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa xác định được quan hệ cần giải quyết là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn chị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt chị H tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 2016, anh V và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 19. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống anh V và chị H đều thống nhất vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể tìm được tiếng nói chung, không dung hòa được tính cách của nhau. Vì vậy, cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Nay, anh V yêu cầu ly hôn thì chị H đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh V và chị H thật sự trầm trọng, chị H không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, vì vậy nên chấp nhận yêu cầu của anh V là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Anh V, chị H có 01 con chung là D, sinh ngày 11/10/2016. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Nay, cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng anh V và chị H đều thống nhất thỏa thuận giao cháu D cho anh V nuôi dưỡng. Do đó nên chấp nhận sự thỏa thuận này của các bên đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng: Anh V không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét trong bản án này.

[3]. Về án phí:

Cần buộc anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh V ly hôn chị H.

2. Về con chung: Giao cho anh V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con D, sinh ngày 11/10/2016.

Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do anh V đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0025084 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Anh V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo**:** Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 05/4/2019, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày tống đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Ch;
- C.C. Thi hành án dân sự Huyện Đức Linh;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Qúy